

Bản án số: 86/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 08 - 2024

“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Uyên.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị Ngâm và ông Lương Công Hạnh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Đức Vũ Tài – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 08 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 234/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2024/QĐXX-ST ngày 17/7/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Huỳnh Phi L, sinh năm 1981; Địa chỉ: Xóm D, thôn N, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Lương Thị V, sinh năm 1989; Địa chỉ: Xóm D, thôn N, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn anh Huỳnh Phi L trình bày: Anh L kết hôn với chị Lương Thị V vào năm 2013 tại UBND xã B, Thành phố T, hôn nhân tự nguyện, ban đầu sống chung hạnh phúc. Hai vợ chồng khi cưới nhau về thì ở tại nhà ở của bố mẹ anh L tại xã B, thành phố T. Trong quá trình sinh sống thì có những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong quan điểm, cách sống, cách cư xử lẫn nhau nhưng vợ chồng cùng nhau bỏ qua, chăm sóc các con chung. Tuy nhiên, đỉnh điểm đến tháng 9/2023, chị V vay tiền bên ngoài nhưng không nói cho anh L biết, không biết chị V vay để làm gì vì hoàn toàn không sử dụng vào mục đích chung của vợ chồng. Cho đến khi ăn Tết âm lịch năm 2024 xong thì có người đến nhà đòi nợ thì anh L mới biết, khi đó chị V bỏ đi đến giờ không về nhà, anh L không biết chị V đi đâu, làm gì. Tình cảm vợ chồng hiện

nay đã không còn, không có sự yêu thương, tôn trọng lẫn nhau. Do đó, anh L yêu cầu được ly hôn với chị V.

Về con chung: Có 02 con chung, tên Huỳnh Thái L1, sinh năm 2013 và cháu Huỳnh Thái B, sinh ngày 19/8/2017. Trước giờ, hai cháu ở chung với vợ chồng, cùng nhau chăm sóc. Khi chị V bỏ nhà đi thì bản thân anh L là người chăm sóc các cháu. Tiền nuôi con hàng tháng cũng chỉ mình anh L lo, chị V không gửi tiền, quà gì về cho con. Nay, khi ly hôn thì anh L yêu cầu được nuôi hai cháu, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con, thu nhập của anh L hàng tháng khoảng 20.000.000 đồng nên đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung có nhưng sẽ giải quyết trong nội bộ gia đình, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Khi anh L khởi kiện đến Tòa án thì có thông báo cho chị V biết, anh L cũng chụp hình đơn khởi kiện gửi cho chị V, chị V đồng ý theo nội dung đơn, không có ý kiến gì. Bây giờ, chị V đi đâu, làm gì thì anh L không biết, cũng không liên lạc được.

*Bị đơn chị Lương Thị V vắng mặt nên không có trình bày:

Tại Biên bản xác minh ngày 17/7/2024 tại Công an xã B, thành phố T, Phú Yên xác định chị Lương Thị V có đăng ký thường trú tại thôn N, xã B, thành phố T, Phú Yên. Hiện nay, chị V không có mặt tại địa phương.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với bị đơn Viên, yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; Về con chung: Giao các con chung tên Huỳnh Thái L1, sinh năm 2013 và cháu Huỳnh Thái B, sinh ngày 19/8/2017 cho nguyên đơn chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục. Không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên đề nghị không xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Huỳnh Phi L yêu cầu giải quyết tranh chấp ly hôn, nuôi con với bị đơn Lương Thị V có địa chỉ tại Thôn N, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân

thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên giải quyết theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Thủ tục tố tụng: Bị đơn Lương Thị V vắng mặt, không rõ lý do tại phiên tòa mở lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Huỳnh Phi L và bị đơn Lương Thị V tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 21/3/2013, đảm bảo về điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Nguyên đơn trình bày giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn vì bị đơn vay nợ bên ngoài, không minh bạch, trung thực trong tài chính giữa vợ chồng, đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được, nay bị đơn bỏ nhà đi, không quan tâm, chăm sóc chồng con. Trong thời gian đó, các bên không ai quan tâm, hỏi han lẫn nhau, không còn cuộc sống gia đình, nguyên đơn không còn tình cảm với bị đơn, yêu cầu ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa, bị đơn vắng mặt, không đến Tòa trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình.

[5] Xét hai bên đương sự xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không sống chung, không còn trách nhiệm và tình thương cho nhau, không cùng nhau chăm sóc con chung, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng. Xét mâu thuẫn giữa các đương sự đã trầm trọng, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[6] Con chung: Giữa nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung là cháu Huỳnh Thái L1, sinh năm 2013 và cháu Huỳnh Thái B, sinh ngày 19/8/2017. Hiện nay, các cháu L1, B đang ở với nguyên đơn, có nguyện vọng ở với cha, bị đơn không có ý kiến bằng văn bản cũng như không đến Tòa trình bày về ý kiến nuôi con. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của hai cháu, Hội đồng xét xử xét giao 02 con chung cho nguyên đơn L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn Viên cấp dưỡng nuôi con. Xét việc không yêu cầu cấp dưỡng là tự nguyện nên chấp nhận.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[9] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Huỳnh Phi L được ly hôn với bị đơn Lương Thị V.

2. *Về con chung*: Giao các con chung Huỳnh Thái L1, sinh ngày 04/12/2013 và Huỳnh Thái B, sinh ngày 19/8/2017 cho nguyên đơn Huỳnh Phi L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bị đơn Lương Thị V không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp cần thiết, các bên đương sự có quyền được yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không giải quyết.

4. *Về án phí HNGĐ-ST*: Nguyên đơn Huỳnh Phi L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0002602 ngày 06/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Nguyên đơn L đã nộp đủ.

5. *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Tuy Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS Tp. Tuy Hòa;
- UBND xã Bình Ngọc (số 17/2013);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ngọc Uyên